



CÔNG BÁO

Tỉnh Quảng Trị

Số 41

Ngày 18 tháng 9 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ GIO LINH

28-8-2025	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu HĐND xã Gio Linh khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.	02
-----------	---	----

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NAM CỬA VIỆT

28-8-2025	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Nam Cửa Việt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	27
28-8-2025	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn xã Nam Cửa Việt giai đoạn 2025 - 2030”.	46

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ GIO LINH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ GIO LINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/NQ-HĐND

Gio Linh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân,
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân,
Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu HĐND xã Gio Linh
khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Xét Tờ trình số 25/TTr-TTHĐND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Gio Linh khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã Gio Linh ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Gio Linh khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Gio Linh khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị liên

quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, Quy chế có thể sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Gio Linh khóa I, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lê Tiên Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ GIO LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân,
các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và
Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Gio Linh Khóa I, Nhiệm kỳ 2021 - 2026**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã Gio Linh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, hình thức làm việc, quy trình giải quyết công việc và quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân xã (*viết tắt là HĐND*), Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND xã Gio Linh. Những nội dung không quy định tại quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND xã; UBND xã, các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, vai trò của HĐND xã

HĐND xã gồm các đại biểu HĐND do cử tri trên địa bàn xã Gio Linh bầu ra và các Đại biểu được Thường trực HĐND tỉnh chỉ định làm Đại biểu HĐND xã Gio Linh; là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân; quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động, chế độ, hình thức làm việc

HĐND xã Gio Linh tuân thủ Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc được quy định tại Điều 4, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, ngày 16/6/2025 và các nội dung chủ yếu sau:

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số (các quyết định phải đảm bảo có nửa tổng số Đại biểu HĐND xã hoặc quá nửa thành viên Thường trực HĐND biểu quyết tán thành, trường hợp kết quả biểu quyết bằng nhau thì Thường trực HĐND quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản); thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc, đại biểu HĐND bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND.

3. Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND xã; ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của HĐND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Các thành viên Thường trực HĐND chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phân công.

4. Các hình thức làm việc của Thường trực HĐND gồm: Phiên họp thường kỳ, đột xuất; xin ý kiến bằng văn bản; hội nghị; tổ chức các đoàn công tác.

5. Ban của HĐND làm việc có các hình thức làm việc sau: Phiên họp toàn thể, hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra, giải trình và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Mục 1

KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND xã

HĐND xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 21, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, ngày 16/6/2025 và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kỳ họp HĐND và nguyên tắc kỳ họp.

1. HĐND xã họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. HĐND xã quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND.

2. HĐND xã họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND xã hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND xã yêu cầu.

3. Cử tri ở xã Gio Linh có quyền làm đơn yêu cầu HĐND xã họp, bàn và quyết định những công việc của cấp xã. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm tổ chức kỳ họp HĐND chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị khi nhận được đơn yêu cầu họp lệ của trên 10% tổng số cử tri của cấp xã. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp HĐND bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

4. HĐND họp trực tiếp, công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thì HĐND quyết định họp kín.

Điều 6. Chương trình kỳ họp HĐND

HĐND xem xét, thông qua Chương trình kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Thường trực HĐND trình HĐND dự kiến chương trình kỳ họp. Tại kỳ họp thứ Nhất của mỗi khóa HĐND, Thường trực HĐND khóa trước dự kiến chương trình kỳ họp trình HĐND khóa mới xem xét, quyết định.

2. Đại biểu HĐND thảo luận, cho ý kiến về dự kiến nội dung chương trình kỳ họp.

3. Chủ tọa kết luận.

4. HĐND biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

Điều 7. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp HĐND

1. Chủ tọa điều hành phiên họp tại kỳ họp HĐND gồm: Chủ tịch HĐND; Phó Chủ tịch HĐND theo sự phân công của Chủ tịch; Triệu tập viên tại kỳ họp thứ nhất.

2. Chủ tọa các phiên họp có trách nhiệm điều hành kỳ họp theo Chương trình đã được HĐND biểu quyết thông qua và theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 8. Trách nhiệm của đại biểu HĐND tại kỳ họp

1. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung tại kỳ họp HĐND và thực hiện quyền chất vấn; biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp HĐND thì phải có lý do, báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tọa kỳ họp.

3. Đeo phù hiệu khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách đại biểu HĐND (khi được trang cấp).

4. Trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về kỳ họp HĐND phải bảo đảm chính xác, khách quan, trừ thông tin, tài liệu theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín theo quy định.

Điều 9. Thảo luận tại kỳ họp

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực HĐND quyết định giao nhiệm vụ cho các Tổ đại biểu tổ chức thảo luận tại kỳ họp để thảo luận về chương trình, nội dung kỳ họp.

2. Tổ trưởng Tổ Đại biểu có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp HĐND và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực HĐND; giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND.

3. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND giúp Tổ Trưởng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ Trưởng. Khi Tổ Trưởng vắng mặt thì Tổ phó thực hiện nhiệm vụ do Tổ Trưởng phân công.

4. Thư ký của Tổ đại biểu giúp Tổ Trưởng và Tổ phó tổng hợp đầy đủ các nội dung thảo luận tại Tổ và ý kiến Kết luận của Trưởng hoặc Tổ phó Tổ đại biểu khi thảo luận.

Điều 10. Thư ký kỳ họp của HĐND

Văn phòng HĐND và UBND xã là bộ phận giúp việc của HĐND xã thực hiện công tác thư ký kỳ họp theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp theo đề nghị của Thường trực HĐND xã. Thư ký kỳ họp có nhiệm vụ:

1. Lập danh sách đại biểu HĐND có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của HĐND;

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp; cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 11. Trình tự, thủ tục HĐND xem xét, thông qua các nội dung theo thẩm quyền tại kỳ họp

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình HĐND về Tờ trình, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo... theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

2. Đại diện các Ban của HĐND được phân công thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo... trình bày báo cáo thẩm tra.

3. HĐND xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp.

a) Thảo luận tại phiên họp toàn thể: Đại biểu HĐND chấp hành sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Trong quá trình xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa nêu các vấn đề còn có ý khác nhau để HĐND xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tọa kỳ họp yêu cầu các cơ quan có liên quan báo cáo giải trình về những vấn đề đại biểu HĐND quan tâm.

b) Thảo luận tại Tổ: Chủ tọa kỳ họp phân công Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ đại biểu để điều hành thảo luận Tổ; Thư ký các Tổ ghi chép đầy đủ ý kiến thảo luận của đại biểu tại tổ, tổng hợp đầy đủ nội dung gửi Thư ký kỳ họp tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kỳ họp cho ý kiến trước khi trình HĐND tại phiên họp toàn thể.

c) Cơ quan chủ trì xây dựng nội dung có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, Thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ.

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu HĐND thảo luận tại các Tổ phải được Tổ Trưởng, Tổ phó và Thư ký của Tổ ký xác thực.

4. HĐND biểu quyết thông qua Nghị quyết theo trình tự sau:

a) Chủ tọa kỳ họp yêu cầu đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (nếu có). Trong trường hợp cần thiết việc trình bày dự thảo Nghị quyết được Chủ tọa kỳ họp giao cho thư ký kỳ họp trình bày.

b) HĐND thảo luận nội dung dự thảo Nghị quyết; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi nghị quyết được HĐND thông qua.

c) Đại biểu HĐND biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết. Đối với trường hợp bỏ phiếu kín, Chủ tọa kỳ họp báo cáo kết quả biểu quyết.

5. Nội dung Kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của HĐND phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 12. Trình tự chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

1. Chủ tọa kỳ họp nêu những nội dung cần tập trung chất vấn và trả lời chất vấn theo đề nghị của Thường trực HĐND; điều hành nội dung, thời gian, cách thức đặt câu hỏi, phương pháp trả lời chất vấn, điều hành tranh luận (nếu có) và kết luận chất vấn.

2. Đại biểu đặt câu hỏi chất vấn và người được chất vấn trả lời chất vấn theo sự điều hành của chủ tọa kỳ họp; nếu đại biểu không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì đề nghị chủ tọa cho tranh luận hoặc đề nghị làm rõ những nội dung liên quan.

3. Chủ tọa kỳ họp kết luận phiên chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn đối với từng nhóm vấn đề được chất vấn.

4. HĐND ban hành Nghị quyết về chất vấn tại kỳ họp (nếu có).

Điều 13. Trình tự xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐND

1. HĐND xã bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND xã trong số đại biểu HĐND theo danh sách đề cử chức vụ từng người của Thường trực HĐND. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND bầu các chức danh của HĐND như sau:

a) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình HĐND bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban HĐND trong số các đại biểu HĐND và gửi kèm theo Hồ sơ nhân sự gồm có: Tờ trình; Dự thảo nghị quyết; Báo cáo thẩm tra (nếu có); Hồ sơ và các tài liệu khác về người được giới thiệu vào các chức danh thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (kể cả đối với người tự ứng cử hoặc được đại biểu HĐND đề cử ngoài danh sách do Chủ tọa kỳ họp giới thiệu);

b) Đại biểu HĐND thảo luận;

c) Chủ tọa kỳ họp phân công cơ quan hoặc người có thẩm quyền trình nhân sự (đối với bầu các chức danh của HĐND), người có thẩm quyền (đối với bầu các chức danh của UBND), báo cáo HĐND về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu HĐND (nếu có);

d) HĐND xã biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND;

e) HĐND bầu Ban Kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp của HĐND theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

g) HĐND cấp xã bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND cấp xã bằng hình thức bỏ phiếu kín;

h) Ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu;

i) Chủ tọa kỳ họp phân công cơ quan hoặc người có thẩm quyền trình HĐND hoặc Thư ký kỳ họp trình bày dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh;

k) HĐND thảo luận về dự thảo nghị quyết;

l) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa phân công báo cáo HĐND về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu HĐND về dự thảo nghị quyết (nếu có);

m) HĐND biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. HĐND xã bầu Chủ tịch UBND xã theo giới thiệu của Chủ tịch HĐND; bầu Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND theo giới thiệu của Chủ tịch UBND. Thành viên của UBND không nhất thiết là đại biểu HĐND. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND bầu các chức danh của UBND:

a) Người có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình HĐND bầu Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND và gửi kèm theo Hồ sơ nhân sự như quy định tại khoản 1 điều này;

b) Trình tự, thủ tục và Hồ sơ nhân sự trình HĐND bầu các chức danh của UBND thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND bầu:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình HĐND miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND bầu;

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND bầu thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm và mất quyền đại biểu HĐND

a) Thường trực HĐND quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND trong các trường hợp sau đây:

Đại biểu HĐND bị khởi tố;

Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của đại biểu HĐND, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với đại biểu HĐND là cán bộ, công chức, viên chức hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã có văn bản đề nghị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND đối với đại biểu HĐND đó.

b) Đại biểu HĐND được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp khác khi cơ quan có thẩm quyền có quyết định, kết luận về việc không có vi phạm, không xử lý kỷ luật, quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự. Trường hợp đại biểu HĐND bị xử lý kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc Thường trực HĐND xem xét, quyết định việc cho tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu hoặc đề nghị HĐND bãi nhiệm đại biểu HĐND.

c) HĐND hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian HĐND không họp xem xét, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND trong các trường hợp Đại biểu HĐND không còn công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị

hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu hoặc Theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

d) Việc Thường trực HĐND tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này phải được báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

e) Đại biểu HĐND không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND và không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị HĐND hoặc cử tri bãi nhiệm.

Thường trực HĐND quyết định việc đưa ra HĐND bãi nhiệm đại biểu HĐND hoặc theo đề nghị của UBMTTQVN cùng cấp đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND.

Trong trường hợp HĐND bãi nhiệm đại biểu HĐND thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu HĐND biểu quyết tán thành.

Trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

f) Đại biểu HĐND bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu HĐND kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

g) Đại biểu HĐND đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực HĐND, Ban của HĐND.

Điều 14. Tài liệu lưu hành tại kỳ họp và thông tin về kỳ họp HĐND

1. Chủ tịch HĐND quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp HĐND xã.

2. Tài liệu phục vụ kỳ họp của HĐND do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình ký; trường hợp khuyết người đứng đầu thì sẽ do cấp phó ký và được gửi đến Văn phòng HĐND&UBND xã để gửi đến đại biểu HĐND theo thời hạn quy định. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước). Tài liệu kỳ họp HĐND được gửi đến đại biểu HĐND chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và 01 ngày trước kỳ họp chuyên đề, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đại biểu HĐND có trách nhiệm thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của HĐND xã. Thường trực HĐND có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp HĐND khi đại biểu HĐND nếu có yêu cầu.

4. Nghị quyết, văn bản, các tài liệu khác của mỗi kỳ họp HĐND được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Thường trực HĐND xem xét, quyết định chế độ quản lý và đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã đối với các loại văn bản (văn bản thu hồi, văn bản Mật...) và tài liệu khác phục vụ kỳ họp HĐND. Văn phòng HĐND&UBND xã có trách nhiệm đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã theo quyết định Thường trực HĐND.

5. Khi cần thiết, Thường trực HĐND tổ chức họp báo về chương trình, nội dung kỳ họp HĐND để cung cấp thông tin về các nội dung của kỳ họp HĐND.

6. Các kỳ họp của HĐND được phát thanh trực tiếp trên địa bàn toàn xã (nếu có điều kiện) theo Chương trình kỳ họp đã được HĐND biểu quyết thông qua trên cơ sở đề nghị của Thường trực HĐND. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin theo quyết định của Thường trực của HĐND. Chủ tịch HĐND xem xét, quyết định phương thức đưa tin (phát thanh trực tiếp; báo chí đưa tin, fanpage và các hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện của địa phương); mời các cơ quan thông tấn báo chí tham dự đưa tin.

7. Văn phòng HĐND&UBND xã có trách nhiệm đăng tải các Văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp, Nghị quyết của HĐND xã trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành, trang thông tin điện tử của xã và chuyển văn bản đến các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan theo quy định.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 15. Thẩm quyền và các hoạt động giám sát của HĐND xã

1. Thẩm quyền giám sát của HĐND

a) HĐND xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, UBND xã và cơ quan khác ở địa phương.

b) Căn cứ vào kết quả giám sát, HĐND có thẩm quyền sau đây:

Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do HĐND xã ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của UBND, Chủ tịch UBND xã.

Bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh do HĐND xã bầu.

Ra nghị quyết về chất vấn;

2. Các hoạt động giám sát của HĐND

a) Xem xét báo cáo công tác của TTHĐND, UBND và các cơ quan, đơn vị trình kỳ họp; các dự thảo Nghị quyết, đề án trình kỳ họp.

b) Xem xét việc trả lời chất vấn của những người được chất vấn tại kỳ họp.

c) Xem xét quyết định của UBND xã; các văn bản của Thường trực HĐND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

d) Giám sát chuyên đề.

e) Giám sát việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND xã bầu.

3. Chương trình giám sát của HĐND

a) TTHĐND dự kiến chương trình giám sát hằng năm của HĐND trên cơ sở đề nghị của các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND xã, của Ban TT UBMTTQVN xã và kiến nghị của cử tri trên địa bàn xã trình HĐND xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN xã và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của HĐND đến Thường trực HĐND. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng HĐND & UBND xã tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND. Thường trực HĐND thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND để trình HĐND xem xét, quyết định chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND.

b) HĐND quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

Thường trực HĐND trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát; HĐND thảo luận; HĐND biểu quyết thông qua chương trình giám sát của HĐND.

c) Thường trực HĐND ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của HĐND, trừ các giám sát chuyên đề của HĐND xã.

d) Thường trực HĐND báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND tại kỳ họp giữa năm sau của HĐND.

4. Trình tự, nội dung giám sát chuyên đề của HĐND

a) Căn cứ chương trình giám sát, HĐND ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực HĐND.

Nghị quyết của HĐND về việc thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm đại diện các Ban của HĐND và một số đại biểu HĐND. Đại diện UBND xã, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

b) Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) HĐND xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;

HĐND thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;

HĐND ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nội dung nghị quyết đảm bảo các nội dung: Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập. Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

d) Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

đ) Văn phòng HĐND&UBND xã có nhiệm vụ tham mưu HĐND ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát. Phó Ban của HĐND xã là thành viên của Đoàn giám sát có nhiệm vụ tham mưu Đoàn giám sát thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm b, mục 4 Điều này và xây dựng dự thảo kết luận giám sát.

Điều 16. Giám sát thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm

Trình tự, thủ tục giám sát thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm của HĐND được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 17. Giám sát thông qua việc xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri

1. HĐND xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trên địa bàn xã.

2. UBND xã, các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và báo cáo với HĐND kết quả giải quyết.

3. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa HĐND, UBND xã trình HĐND báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của trên địa bàn xã trong cuộc bầu cử đại biểu HĐND.

Tại các kỳ họp sau kỳ họp thứ nhất, Thường trực HĐND phối hợp với UBND tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trên địa bàn; Thường trực HĐND báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri đã được gửi đến HĐND tại kỳ họp trước.

Trong trường hợp cần thiết, HĐND thảo luận và ra nghị quyết về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Thường trực HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã là cơ quan thường trực của HĐND xã, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2026, các nhiệm vụ được HĐND giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND.

2 Thường trực HĐND xã gồm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND và các Ủy viên là Trưởng Ban của HĐND. Thành viên của Thường trực HĐND không thể đồng thời là thành viên của UBND cùng cấp.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND xã

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được HĐND xã giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của HĐND; phối hợp với UBND trong việc chuẩn bị kỳ họp của HĐND xã.

3. Đôn đốc, giám sát UBND xã và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của HĐND xã.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của HĐND; xem xét kết quả giám sát của các Ban của HĐND xã khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND; tổng hợp chất vấn của đại biểu HĐND để báo cáo HĐND; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tại phiên họp Thường trực HĐND xã.

6. Thường trực HĐND xã tổ chức tiếp công dân định kỳ và tiếp công dân thường xuyên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của HĐND cấp trên. Mỗi tuần, Chủ tịch HĐND xã trực tiếp tiếp công dân định kỳ 01 ngày vào ngày thứ 5 hàng tuần tại phòng tiếp công dân thuộc trụ sở HĐND&UBND xã; Thường trực HĐND xã tiếp công dân thường xuyên tại phòng làm việc của 2 Ban HĐND xã; trường hợp cần thiết, có thể

tổ chức tiếp công dân lưu động tại các thôn. HĐND xã ban hành Quy chế Tiếp công dân của HĐND và Đại biểu HĐND xã theo quy định.

7. Đại biểu HĐND xã thực hiện tiếp công dân theo lịch phân công của Thường trực HĐND xã. Đại biểu HĐND có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp, phân loại, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết và báo cáo Thường trực HĐND xã.

8. Thường trực HĐND xã tổng hợp báo cáo kết quả tiếp công dân của đại biểu HĐND và tình hình giải quyết các ý kiến, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân tại các kỳ họp HĐND xã. Tổ chức để đại biểu HĐND xã tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp HĐND xã.

9. Quyết định số lượng thành viên các Ban của HĐND xã. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của HĐND xã trong số đại biểu HĐND xã theo đề nghị của Trưởng Ban của HĐND xã.

10. Trong thời gian HĐND xã không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được HĐND xã bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của HĐND, Ủy viên UBND xã do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

11. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu HĐND của Tổ đại biểu xã; phân công Tổ trưởng, Tổ phó và thư ký của Tổ đại biểu HĐND; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu HĐND của đại biểu HĐND.

12. Quyết định việc đưa ra HĐND xã hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND xã.

13. Báo cáo về hoạt động của HĐND xã đến HĐND và UBND tỉnh.

14. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực UBMTTQVN xã; mỗi năm 02 lần thông báo đến UBMTTQVN xã về hoạt động của HĐND.

15. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

16. Trong thời gian HĐND xã không họp, Thường trực HĐND xã được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND xã

1. Chủ tịch HĐND xã có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực HĐND xã giữ mối liên hệ với UBND, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực UBMTTQVN xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận xã, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của HĐND cùng cấp, Chủ tịch HĐND cấp dưới trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch HĐND xã giúp Chủ tịch HĐND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch HĐND và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch HĐND xã; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND; tham gia các phiên họp Thường trực HĐND, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND.

3. Các thành viên khác của Thường trực HĐND xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phân công; tham gia các phiên họp Thường trực HĐND, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND.

4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch HĐND thì Thường trực HĐND xã giao Phó Chủ tịch HĐND xã điều hành hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND xã cho đến khi HĐND bầu ra Chủ tịch HĐND mới.

Trường hợp khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND xã thì Thường trực HĐND xã báo cáo trình TT HĐND tỉnh chỉ định người điều hành hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND xã trong số đại biểu HĐND cấp xã cho đến khi HĐND bầu ra Chủ tịch HĐND mới.

5. Chủ tịch HĐND ký chứng thực Nghị quyết của HĐND xã. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch HĐND xã thì Chủ tọa kỳ họp HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND

xã, người được chỉ định điều hành hoạt động của HĐND quy định tại khoản 4 Điều này ký chứng thực Nghị quyết của HĐND.

Điều 21. Phiên họp Thường trực HĐND

1. Thường trực HĐND xã quyết định về thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp (công khai, họp kín...), thành phần họp phiên thường kỳ hoặc họp đột xuất (theo đề nghị của Chủ tịch HĐND hoặc các thành viên của Thường trực HĐND); phân công các Ban của HĐND thẩm tra nội dung trình kỳ họp, phiên họp Thường trực HĐND; phân công Văn phòng HĐND&UBND xã tham mưu, phục vụ.

2. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực HĐND xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch HĐND xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

3. Công tác chuẩn bị nội dung phiên họp

a) Căn cứ vào Chương trình phiên họp của Thường trực HĐND, UBND và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp theo phân công của Thường trực HĐND, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định. Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến Văn phòng HĐND&UBND xã để báo cáo Thường trực HĐND nghiên cứu trước khi tổ chức phiên họp.

b) Đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND phải được gửi đến Thường trực HĐND và Ban của HĐND được phân công thẩm tra trước ngày khai mạc kỳ họp ít nhất 03 ngày và theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với các dự thảo Văn bản quy phạm pháp luật.

4. Trình tự, phương thức tiến hành phiên họp

a) Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

b) Chủ tọa phiên họp HĐND (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công) xác định tính hợp lệ, thành phần, nội dung tài liệu trình Thường trực HĐND trước khi Thường trực HĐND tiến hành xem xét, cho ý kiến vào nội dung phiên họp.

c) Chủ tọa phiên họp gợi ý những nội dung tập trung thảo luận; điều hành phiên họp.

d) Thủ trưởng các cơ quan, Trưởng các Ban của HĐND được giao chủ trì tham mưu nội dung trình phiên họp Thường trực HĐND (hoặc người được ủy quyền) trình bày Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án... để Thường trực HĐND xem xét, cho ý kiến.

đ) Thường trực HĐND thảo luận.

e) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến.

g) Trưởng các Ban của HĐND, Thủ trưởng các cơ quan được giao tham mưu chủ trì nội dung trình phiên họp (hoặc người được ủy quyền) phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

h) Chủ tọa xin ý kiến về những nội dung còn có ý kiến khác nhau trước khi Thường trực HĐND biểu quyết. Thường trực HĐND biểu quyết từng nội dung (nội dung các ý kiến khác nhau, thông qua toàn bộ các nội dung) trình tại phiên họp bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trường hợp bỏ phiếu kín thì Thường trực HĐND cử Ban Kiểm phiếu để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu (Mẫu phiếu, Biên bản kiểm phiếu do Thường trực HĐND quy định); Chủ tọa kết luận, ký biên bản.

Trường hợp nội dung trình Thường trực HĐND chưa được xem xét, thông qua, Chủ tọa phiên họp kết luận (bao gồm một số nội dung chính như: phân công trách nhiệm, tiến độ, lộ trình, nội dung, thời gian trình Thường trực HĐND...).

Điều 22. Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực HĐND

1. Căn cứ vào kết luận của Chủ tọa phiên họp, Văn phòng HĐND&UBND xã chủ trì, phối hợp với Ban của HĐND được phân công chủ trì thẩm tra dự thảo văn bản kết luận của Thường trực HĐND về từng nội dung trình Chủ tọa phiên họp xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch HĐND xem xét, quyết định.

2. Thường trực HĐND ban hành văn bản Thông báo kết luận gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 23. Trình tự, thủ tục Thường trực HĐND cho ý kiến bằng văn bản

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp (do thiên tai, dịch bệnh) hoặc tùy vào tính chất, nội dung trình Thường trực HĐND (như công tác nhân sự thuộc thẩm quyền: xem xét, phê chuẩn nhân sự Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã; các văn bản tham gia góp ý của Thường trực HĐND...), Chủ tịch HĐND tự mình hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND, cơ quan chủ trì nội dung quyết định việc lấy ý kiến thành viên Thường trực HĐND bằng hình thức văn bản.

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực HĐND xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản tương tự như Hồ sơ trình phiên họp Thường trực HĐND và được gửi đến Văn phòng HĐND&UBND xã. Văn phòng HĐND&UBND xã

HĐND&UBND xã báo cáo Chủ tịch HĐND để xem xét tính hợp lệ, đầy đủ của Hồ sơ trước khi gửi đến thành viên Thường trực HĐND xem xét, cho ý kiến bằng văn bản, kèm theo phiếu biểu quyết (nếu có).

3. Thành viên Thường trực HĐND nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản, thể hiện chứng kiến của mình vào phiếu biểu quyết (nếu có) gửi lại Văn phòng HĐND&UBND xã để tổng hợp, dự thảo kết luận của Thường trực HĐND (nếu có), báo cáo Phó Chủ tịch HĐND phụ trách trước khi trình Chủ tịch HĐND xem xét,

quyết định. Ý kiến hoặc kết luận của Thường trực HĐND được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Thời hạn xin ý kiến bằng văn bản do Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND phụ trách lĩnh vực quyết định.

Điều 24. Trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực HĐND xã

1. Thực hiện chế độ báo cáo của HĐND, Thường trực HĐND với HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ thông tin đến nhân dân, công khai trên các phương tiện thông tin báo chí, cổng thông tin điện tử xã về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND; việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri của UBND, trừ các văn bản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Thường trực HĐND xã yêu cầu các cơ quan cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND.

4. Chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí do Thường trực HĐND quyết định cụ thể về thẩm quyền, nội dung phát ngôn, thông tin cung cấp cho báo chí trước mỗi lần họp báo. Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch HĐND, Thường trực Hội đồng nhân dân về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Chương IV BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 25. Vai trò, vị trí và cơ cấu tổ chức

1. Ban của HĐND xã là cơ quan của HĐND xã, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình HĐND; giám sát, kiến nghị về những lĩnh vực thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND xã.

2. HĐND xã thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội.

3. Mỗi Ban của HĐND xã gồm 01 Trưởng ban là Đại biểu HĐND xã hoạt động không chuyên trách, 01 Phó Ban là Đại biểu HĐND xã hoạt động chuyên trách, các Ủy viên là Đại biểu HĐND xã hoạt động không chuyên trách và 01 chuyên viên tham mưu, giúp việc không phải là Đại biểu HĐND xã.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên của các Ban HĐND và chuyên viên

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật và quy chế hoạt động của Thường trực HĐND.

b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước HĐND, Thường trực HĐND về hoạt động của Ban.

c) Triệu tập và chủ trì các phiên họp Ban.

d) Ký các văn bản của Ban.

e) Trực tiếp tham gia thẩm tra, giám sát, khảo sát khi cần thiết.

f) Tham gia các đoàn giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND xã khi được HĐND, Thường trực HĐND xã phân công.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban

a) Tham mưu giúp Trưởng ban điều hành công việc thường xuyên hàng ngày của Ban.

b) Trực tiếp phụ trách xây dựng và điều hành chương trình, kế hoạch hoạt động; chương trình, kế hoạch giám sát, khảo sát của Ban.

c) Trực tiếp chỉ đạo điều hành và thực hiện hoạt động thẩm tra của Ban HĐND xã và các nhiệm vụ khác khi được Trưởng ban phân công.

d) Thay mặt Trưởng ban làm việc với các Tổ chức, cá nhân liên quan khi được ủy quyền.

e) Tham gia các đoàn giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND xã khi được HĐND, Thường trực HĐND xã phân công.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ban của HĐND.

a) Thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, giám sát theo phân công của Trưởng ban.

b) Tham gia đầy đủ các cuộc họp, khảo sát, giám sát, thẩm tra.

c) Báo cáo, đề xuất nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

4. Chuyên viên Ban:

a) Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban phân công theo quy định của pháp luật.

b) Tuân thủ sự chỉ đạo, điều hòa hoạt động của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban và Trưởng ban, Phó Trưởng ban về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Tham mưu tổng hợp toàn bộ hoạt động của Ban.

d) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, văn bản phục vụ các cuộc họp, thẩm tra, giám sát của Ban; Ghi biên bản họp, tổng hợp kết quả thẩm tra, giám sát; Tham mưu dự thảo báo cáo, kết luận, văn bản của Ban; Quản lý hồ sơ tài liệu và các văn bản đi, đến của Ban.

Điều 27. Phiên họp toàn thể Ban của HĐND xã

1. Trưởng Ban của HĐND quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND; phân công Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp Ban tương tự như trình tự tổ chức phiên họp của Thường trực HĐND được quy định tại khoản 4 Điều 21 của Quy chế này.

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng Ban phân công Phó Trưởng ban, Ủy viên Ban hoặc chuyên viên Ban chủ trì phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND xã hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến theo nội dung phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng Ban xem xét, quyết định.

Điều 28. Chế độ họp

a) Ban họp định kỳ mỗi quý một lần và họp đột xuất khi cần. Thành phần dự họp gồm Trưởng Ban, Phó Ban, các Thành viên của Ban và Chuyên viên Ban; tùy theo nội dung cuộc họp, Trưởng ban Quyết định mời thêm thành phần dự họp.

b) Phiên họp do Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban (khi được ủy quyền) chủ trì.

c) Nội dung, tài liệu họp Ban được gửi cho các thành viên dự họp ít nhất 01 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp.

d) Ban tổ chức Hội ý vào sáng thứ 2 hàng tuần để đánh giá tiến độ, kết quả công việc và triển khai nội dung công việc tuần tiếp theo. Thành phần hội ý gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và Chuyên viên Ban. Trong trường hợp có nội dung phát sinh, đột xuất cần giải quyết thì Trưởng ban quyết định mời bổ sung thêm thành phần dự hội ý.

Điều 29. Chế độ thẩm tra

a) Ban Kinh tế - Ngân sách thẩm tra các nội dung thuộc lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách trình, Ban Văn hóa - Xã hội thẩm tra các nội dung thuộc lĩnh vực Văn hóa - Xã hội trình các kỳ họp HĐND xã và các nội dung khác theo sự phân công của Thường trực HĐND.

b) Tổ chức thẩm tra đảm bảo đủ hồ sơ, đúng trình tự và đúng thời gian, có báo cáo kết quả gửi Thường trực HĐND trước khi tổ chức kỳ họp.

Điều 30. Chế độ giám sát, khảo sát

a) Thực hiện theo chương trình giám sát, kế hoạch của HĐND hoặc khi Thường trực HĐND giao.

b) Lập kế hoạch, dự kiến nội dung, đối tượng giám sát, khảo sát; thông báo trước cho UBND, cơ quan liên quan.

c) Báo cáo kết quả với Thường trực HĐND và HĐND xã.

CHƯƠNG V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 31. Trách nhiệm của Tổ đại biểu HĐND

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Thường trực HĐND.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐND, Thường trực HĐND về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu.

Điều 32. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND:

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước HĐND và Thường trực HĐND.

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực HĐND.

2. Trách nhiệm của Tổ phó Tổ đại biểu HĐND thực hiện nhiệm vụ khi được Tổ trưởng ủy quyền.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 33. Quan hệ phối hợp công tác của HĐND, Thường trực HĐND với các cơ quan Trung ương, tỉnh đóng trên địa bàn

1. Với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Giữ mối quan hệ thường xuyên trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, xây dựng pháp luật và theo Quy chế phối hợp công tác.

2. Với HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

a) Khi Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh giám sát tại địa phương.

b) Khi có yêu cầu góp ý dự thảo luật, nghị quyết, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND.

c) Tổ chức trao đổi học tập kinh nghiệm công tác, tổ chức Hội nghị giao ban khu vực.

3. Với Thường trực và BTV Đảng ủy xã

a) HĐND, Thường trực HĐND xã chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy; thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến và đề xuất các vấn đề quan trọng với Ban Thường vụ và Thường trực Đảng ủy.

b) Thường trực HĐND xã có trách nhiệm chuẩn bị và trình BTV Đảng ủy cho ý kiến về những định hướng, chủ trương quan trọng, chương trình hoạt động, chương trình các kỳ họp; chương trình, kế hoạch đề án cụ thể hóa các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, UBND tỉnh và những quyết định của HĐND xã về kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh; những vấn đề liên quan đến đời sống của Nhân dân; những vấn đề về tổ chức cán bộ, về nhân sự thuộc diện quản lý của BTV Đảng ủy trước khi trình HĐND xã quyết định.

4. Với UBND xã:

a) Phối hợp, chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết của HĐND đã ban hành; phân công các Ban của HĐND phối hợp với UBND và các cơ quan có liên quan chuẩn bị tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu để trình HĐND tại kỳ họp;

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động UBND cùng cấp trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐND;

c) Chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND. Trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình HĐND cấp tỉnh xem xét quyết định.

5. Với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội xã:

a) Phối hợp UBMTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của HĐND, UBND;

b) Mời UBMTTQVN, các tổ chức chính trị xã hội tham dự kỳ họp của HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND; tham gia giám sát, khảo sát; lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng ở địa phương;

c) Phối hợp, tổ chức cho đại biểu HĐND xã thực hiện tiếp xúc cử tri và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri theo quy định;

d) Phối hợp theo dõi hoạt động của đại biểu HĐND, giúp đại biểu HĐND làm nhiệm vụ đại biểu.

Điều 34. Quan hệ phối hợp công tác giữa Ban của HĐND với UBND xã, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND

1. Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do UBND xã trình kỳ họp HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND để tổ chức thẩm tra theo quy định của pháp luật và phân công của Thường trực HĐND.

2. Giám sát hoạt động của UBND, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND; giám sát văn bản quy phạm pháp luật.

3. Phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND xã trong quá trình tham mưu Thường trực HĐND xã chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp HĐND xã; các hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND xã và đảm bảo các cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ Đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND xã.

Điều 35. Quan hệ công tác của Tổ đại biểu, đại biểu HĐND với cấp ủy, ban cán sự, ban công tác mặt trận thôn nơi địa bàn ứng cử

1. Mời cấp ủy, ban cán sự, ban công tác mặt trận thôn tham dự các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND để xem xét, trả lời các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền của địa phương.

2. Cấp ủy, ban cán sự, ban công tác mặt trận thôn tại đơn vị bầu cử đại biểu HĐND tạo điều kiện để đại biểu tiếp công dân theo quy định.

Chương VII

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Cơ quan giúp việc của HĐND xã

a) Văn phòng HĐND&UBND xã là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HDND, Thường trực HDND xã.

b) Trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, Văn phòng HĐND&UBND xã chịu trách nhiệm cung cấp các văn bản, thông tin hoạt động; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, tổ chức phục vụ hoạt động của HDND, Thường trực HDND, các Ban HDND, Tổ đại biểu HDND và Đại biểu HDND xã.

Điều 37. Điều kiện bảo đảm hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của HDND, Thường trực HDND, các Ban HDND, Tổ đại biểu HDND, đại biểu HDND xã do Ngân sách nhà nước đảm bảo; Thường trực HDND xã có nhiệm vụ điều hành ngân sách hoạt động của HDND theo đúng quy định của Pháp luật.

2. Thường trực HDND xã có trách nhiệm chỉ đạo Văn phòng HĐND&UBND cung cấp các văn bản, thông tin hoạt động; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, tổ chức phục vụ hoạt động của HDND, Thường trực HDND, các Ban HDND, Tổ đại biểu HDND và Đại biểu HDND xã.

3. Khuyến khích các Tổ đại biểu, đại biểu HDND xã học tập kinh nghiệm, áp dụng công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản tài liệu, xử lý văn bản... vào hoạt động trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định phù hợp điều kiện địa phương.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ Đại biểu HĐND, đại biểu HĐND; UBND, các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND xã; Ban Thường trực UBMTTQVN xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm ban hành quy chế hoạt động của Thường trực HĐND xã hoặc Thông báo phân công nhiệm vụ để quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên và tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Các cơ quan, đơn vị, các nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình được pháp luật quy định có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, Ban HĐND, Tổ Đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND xã.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Thường trực HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã, Đại biểu HĐND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất kiến nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NAM CỬA VIỆT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ NAM CỬA VIỆT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2025 /NQ-HĐND

Nam Cửa Việt, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân
xã Nam Cửa Việt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH 15 ngày 16/6/2025 của UBTV Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Tỉnh Quảng Trị năm 2025;

Xét Tờ trình số 04/TTr-HĐND xã ngày 22/8/2025 của Thường trực HĐND xã về việc Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Nam Cửa Việt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo Thẩm tra của Ban VH-XH; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Nam Cửa Việt khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, văn phòng HĐND - UBND UBND xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, Quy chế có thể sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp Với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Nam Cửa Việt khóa I, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

CHỦ TỊCH

Vũ Thành Công

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ NAM CỬA VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân xã Nam Cửa Việt khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nam Cửa Việt)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân (sau đây gọi tắt là HĐND), Thường trực HĐND (TTHĐND), các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND xã Nam Cửa Việt. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng với HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã Nam Cửa Việt và các tổ chức, các nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, chủ trương, chỉ đạo của cấp trên; bảo đảm sự tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động; tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế làm việc.

2. HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND xã làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Hiệu quả hoạt động của HĐND xã được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp HĐND, hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu, các đại biểu HĐND xã và hiệu quả của sự phối hợp hoạt động với Ủy ban nhân dân (UBND) xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) xã và các cơ quan khác.

3. Thường trực HĐND xã là cơ quan của HĐND xã, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế này; báo cáo công tác trước HĐND xã, ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của HĐND xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Ban của HĐND xã là cơ quan của HĐND xã, chịu trách nhiệm trước các nhiệm vụ theo quy định của Luật và Quy chế này, báo cáo công tác thực hiện trước HĐND xã, TTHĐND xã, ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của HĐND xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tổ đại biểu HĐND do TTHĐND xã thành lập trên cơ sở các đại biểu HĐND xã được bầu tại các địa bàn ứng cử, có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp, tổ chức cho đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri.

6. Đại biểu HĐND xã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật, bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của HĐND.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế-xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách xã; điều chỉnh dự toán ngân sách xã trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách xã và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng

nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

KỶ HỌP CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 4. Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Kỳ họp thứ nhất của HĐND khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu HĐND; đối với địa phương có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu HĐND hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn tổ chức kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc ngày bầu cử mới.

2. Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ, quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND. Đối với kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực HĐND xã quyết định họp liên tịch hoặc ban hành Kế hoạch tổ chức kỳ họp để chuẩn bị các nội dung cho kỳ họp.

3. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín.

4. Chậm nhất là 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì tổ chức họp liên tịch với UBND xã, Ban Thường trực UBMTTQVN xã và các cơ quan hữu quan để thống nhất dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, những vấn đề có liên quan đến kỳ họp và phân công các cơ quan chuẩn bị. Đối với kỳ họp chuyên đề, Thường trực HĐND xã quyết định thời gian họp liên tịch theo thực tế phát sinh.

5. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND xã, các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản liên quan theo quy định gửi đến Thường trực HĐND xã để phân công các Ban HĐND xã thẩm tra.

6. Tài liệu chính thức của kỳ họp HĐND xã phải được gửi đến đại biểu HĐND xã chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND xã.

Điều 5. Phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp HĐND xã thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu

đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo Chương trình kỳ họp đã được thông qua.

2. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi HĐND xã hoàn thành toàn bộ nội dung theo chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, Chào cờ.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Chủ tọa điều hành phiên họp tại kỳ họp HĐND xã gồm: Chủ tịch HĐND xã; Phó Chủ tịch HĐND xã

2. Chủ tọa các phiên họp có trách nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp

1. Chấp hành các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các luật có liên quan và Nội quy kỳ họp HĐND xã.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung tại kỳ họp HĐND xã và thực hiện quyền chất vấn; biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND xã.

3. Trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp HĐND xã thì phải có lý do, báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND xã hoặc Chủ tọa kỳ họp.

4. Đeo phù hiệu khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách đại biểu HĐND xã.

5. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp theo quy định.

Điều 8. Thảo luận tại kỳ họp

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực HĐND xã quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó là đại biểu HĐND xã để thảo luận về chương trình, nội dung trình tại kỳ họp.

2. Tổ trưởng, tổ phó có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp HĐND xã và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Thường trực HĐND xã; giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã.

Điều 9. Thư ký kỳ họp

Thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu HĐND xã có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.
2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.
3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ thảo luận tại kỳ họp.
4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.
5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 10. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND xã, các cơ quan trình gửi các tờ trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án đến Ban của HĐND xã được phân công thẩm tra, việc gửi được thực hiện qua Văn phòng HĐND & UBND. Chậm nhất 5 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, tài liệu chính thức lưu hành bằng văn bản được gửi đến Văn phòng HĐND & UBND xã để gửi đến đại biểu HĐND.
2. Thường trực HĐND xã có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp HĐND xã khi đại biểu HĐND nếu có yêu cầu.

Điều 11. Thông tin và báo cáo kết quả kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Khi cần thiết, Thường trực HĐND xã tổ chức họp báo về chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân để cung cấp thông tin về các nội dung của kỳ họp HĐND xã.
2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, Văn phòng HĐND - UBND xã công khai nghị quyết của HĐND xã trên Cổng Thông tin điện tử xã, trừ trường hợp luật quy định khác.

Điều 12. Hoạt động giám sát và chương trình, trình tự giám sát của Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và kiến nghị của cử tri ở địa phương trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.
2. Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:
 - a) Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát;

b) Hội đồng nhân dân thảo luận;

c) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

Chương IV

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 13. Nguyên tắc hoạt động, hình thức làm việc

1. Thường trực HĐND xã làm việc theo chế độ hội nghị (họp ít nhất mỗi tháng một lần hoặc khi cần thiết họp đột xuất, phiên họp phải đảm bảo có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Thường trực HĐND xã tham dự).

Thường trực HĐND xã thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, các quyết định phải đảm bảo có nửa tổng số thành viên Thường trực HĐND xã biểu quyết tán thành, trường hợp kết quả biểu quyết bằng nhau thì Thường trực HĐND xã quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Các thành viên Thường trực HĐND xã chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phân công.

3. Các hình thức làm việc của Thường trực HĐND xã gồm: Phiên họp thường kỳ, đột xuất; xin ý kiến bằng văn bản; hội nghị.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND xã

Thường trực HĐND xã là cơ quan Thường trực của HĐND xã gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng các ban HĐND xã, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND xã. Thường trực HĐND xã thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau:

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

8. Phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân cấp mình bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp do chuyên công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyên sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND xã

Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐND xã

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

b) Chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Thường trực HĐND xã

Ủy viên thường trực HĐND xã là Trưởng ban các ban của HĐND xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

1. Chịu trách nhiệm tập thể về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND xã, chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND xã về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND xã phân công; tham dự đầy đủ các phiên họp Thường trực HĐND xã, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND xã; chuẩn bị các nội dung trình phiên họp Thường trực HĐND xã theo phân công của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

3. Tiếp công dân theo phân công của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, theo dõi kết quả giải quyết đơn thư thuộc nội dung lĩnh vực Ban phụ trách.

4. Theo dõi, đôn đốc kết quả thực hiện, trả lời giải quyết các ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri; các kiến nghị sau giám sát, khảo sát; kết luận phiên thảo luận, chất vấn thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

5. Giữ mối liên hệ giữa Ban với Thường trực HĐND xã, giữa các Ban với nhau, Văn phòng HĐND - UBND xã, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

Điều 18. Phiên họp Thường trực HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã họp thường kỳ mỗi tháng một lần (vào cuối tháng) và phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND xã tham dự. Căn cứ tình hình thực tiễn, Thường trực HĐND xã có thể họp đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch HĐND xã.

2. Chủ tịch HĐND xã quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND xã; nếu Chủ tịch HĐND vắng mặt Phó Chủ tịch HĐND xã được Chủ tịch HĐND ủy quyền chủ tọa phiên họp.

3. Tại phiên họp, Thường trực HĐND xã đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong tháng; quyết định kế hoạch công tác tháng sau; thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Các quyết định phải được quá nửa số thành viên Thường trực HĐND xã nhất trí thông qua, trường hợp số tán thành và số không tán thành ngang nhau thì quyết định theo phần biểu quyết có ý kiến của Chủ tịch HĐND xã.

4. Tùy tính chất nội dung phiên họp, Thường trực HĐND xã ban hành nghị quyết, kết luận hoặc các văn bản hành chính khác về nội dung phiên họp để thông

báo kịp thời đến thành viên Thường trực HĐND, các Ban HĐND, UBND, Ban Thường trực UBMTTQ xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Trong các phiên họp thường kỳ hoặc đột xuất, Thường trực HĐND xã có thể yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND theo quy định.

6. Thành phần mời dự phiên họp gồm: Lãnh đạo UBND xã, Ủy ban MTTQ xã, Lãnh đạo Công an xã, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức liên quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND xã khi bàn về vấn đề có liên quan.

Điều 19. Các hình thức làm việc khác

1. Triển khai các cuộc họp khác do Phó Chủ tịch Thường trực HĐND xã chủ trì với các thành viên trong Thường trực HĐND xã, Trưởng Ban, Phó Trưởng các Ban HĐND xã, Văn phòng HĐND - UBND xã. Tùy nội dung, tính chất các cuộc họp có thể mời thêm các thành phần khác cùng dự.

2. Cho ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp để thảo luận, thống nhất.

Điều 20. Chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Chủ tịch HĐND xã là người phát ngôn của HĐND và Thường trực HĐND xã; chỉ đạo trao đổi và cung cấp thông tin cho báo chí theo thẩm quyền hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND xã phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí về một số vấn đề cụ thể và có thời hạn nhất định. Người được ủy quyền phát ngôn và cung cấp thông tin không được ủy quyền tiếp cho người khác.

2. Chịu trách nhiệm về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch HĐND xã về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

3. Văn phòng HĐND - UBND xã, Trưởng các Ban của HĐND xã có trách nhiệm chuẩn bị, tổng hợp các thông tin phục vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.

4. Người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau:

a) Những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng; những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn.

b) Các vụ việc đang được thanh tra, điều tra, chưa xét xử hoặc đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy

định của pháp luật không được cung cấp thông tin cho báo chí.

c) Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

Chương V

BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 21. Nguyên tắc, chế độ làm việc của các Ban của HĐND xã

1. Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Ban của HĐND xã làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Các thành viên Ban của HĐND xã chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng ban phân công.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên hoạt động chuyên trách và Ủy viên khác của HĐND xã

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật và Quy chế này.

b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước HĐND xã, Thường trực HĐND xã về hoạt động của Ban.

c) Trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, điều hành hoạt động của Ban đảm bảo chất lượng, khoa học, hiệu quả.

d) Trình bày báo cáo trước HĐND xã, Thường trực HĐND xã.

e) Trưởng Ban thay mặt ký văn bản của Ban.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban.

b) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và Ban của HĐND xã về những nhiệm vụ được phân công.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ban của HĐND xã (bao gồm cả chuyên trách)

a) Ủy viên Ban có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban HĐND xã theo quy định của pháp luật.

b) Tuân thủ sự chỉ đạo, điều hòa hoạt động của Trưởng ban và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban và Trưởng ban về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Chương VI

TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 23. Trách nhiệm của Tổ đại biểu HĐND xã

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐND xã, Thường trực HĐND xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu.

Điều 24. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó và đại biểu HĐND xã

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xã:

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước HĐND xã và Thường trực HĐND xã.

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực HĐND xã.

c) Thường xuyên giữ mối liên hệ với, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Tổ phó giúp Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xã thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đại biểu HĐND xã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

Điều 25. Tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND xã

1. Trước và sau mỗi kỳ họp HĐND xã, đại biểu HĐND xã có trách nhiệm báo cáo với cử tri về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp hoặc kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của HĐND, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

2. Việc tổ chức đề đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã, Ban Thường trực UBMTTQVN xã và Tổ đại biểu HĐND xã có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về

những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với HĐND xã và các cơ quan Nhà nước hữu quan ở địa phương.

b) Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã, Ban Thường trực UBMTTQVN xã và Tổ đại biểu HĐND xã có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến các nghị quyết của HĐND xã và vận động Nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

c) Trên cơ sở kế hoạch tiếp xúc cử tri, Thường trực HĐND, UBND cấp xã xây dựng chương trình tiếp xúc cử tri và tổ chức cho đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri. Chương trình, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri phải được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để Nhân dân biết tham gia.

3. Ban Thường trực UBMTTQVN xã tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri tại các điểm tiếp xúc trên địa bàn xã, gửi văn bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã để chuyển đến Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cùng cấp để xem xét, giải quyết, trả lời theo thẩm quyền.

4. Thường trực HĐND xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xây dựng và trình HĐND xã báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân tại kỳ họp HĐND xã.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 26. Đối với Đảng ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Đảng ủy

1. Thường trực HĐND xã chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND xã theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã và khi có yêu cầu.

2. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm đề xuất Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy các chủ trương, chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND xã; những vấn đề liên quan đến chương trình hoạt động, nhất là nội dung quan trọng tại các kỳ họp HĐND theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

Điều 27. Đối với UBND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã

1. Thường trực HĐND xã phối hợp chặt chẽ với UBND xã, các cơ quan chuyên

môn thuộc UBND xã trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp HĐND xã, các phiên họp Thường trực HĐND xã thường kỳ hằng tháng.

2. Lãnh đạo UBND, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm: Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND xã. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các ý kiến kết luận tại phiên họp Thường trực HĐND xã và các văn bản chỉ đạo của Thường trực HĐND xã; Đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của Thường trực, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND xã.

Điều 28. Đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Thường trực HĐND xã phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã trong việc tổ chức cho Đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết và báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri để báo cáo với HĐND xã.

2. Thường trực HĐND xã tạo điều kiện để Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia hoạt động giám sát, phản biện cùng Thường trực, các Ban của HĐND xã.

3. Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội xã được mời tham dự các kỳ họp HĐND xã.

4. Thường trực HĐND xã thông báo bằng văn bản đến Ủy ban MTTQ xã về tình hình hoạt động 6 tháng và cả năm của Thường trực HĐND xã.

5. Phối hợp tổ chức cho đại biểu cử tri tiếp xúc với Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND Tỉnh, HĐND xã theo quy định.

Điều 29. Đối với các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã chỉ đạo, điều hòa chương trình hoạt động của các Ban HĐND xã, tạo điều kiện và đôn đốc các Ban hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Đôn đốc các Tổ đại biểu HĐND xã hoạt động theo đúng quy định; tạo điều kiện cho Đại biểu và Tổ đại biểu HĐND xã hoạt động có hiệu quả. Tổng hợp, xử lý các kiến nghị của Tổ đại biểu, đại biểu HĐND xã theo thẩm quyền và báo cáo HĐND xã khi xét thấy cần thiết. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND xã. Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ đại biểu HĐND xã.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Định kỳ hằng năm, Thường trực HĐND xã tổ chức họp đánh giá kết quả triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh thì Thường trực HĐND xã nghiên cứu, trao đổi thống nhất để điều chỉnh, bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NAM CỬA VIỆT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Xã Nam Cửa Việt **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2025/NQ-HĐND

Nam Cửa Việt, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn xã Nam Cửa Việt giai đoạn 2025 - 2030”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NAM CỬA VIỆT
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ về quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy;

Căn cứ Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 27/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”;

Xét Tờ trình số 662/TTr-UBND ngày 21/8/2025 và Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn xã Nam Cửa Việt giai đoạn 2025 - 2030”, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện có hiệu quả “Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ nhằm kiểm soát, kìm hãm, ngăn chặn và từng bước tiến tới làm giảm tội phạm và tệ nạn ma túy, đảm bảo ổn định tình hình ANTT bền vững.

- Phát hiện, đấu tranh, triệt xóa các điểm phức tạp về ma túy trên địa bàn, không để các đối tượng hoạt động trở lại. Thường xuyên quản lý, giám sát hoạt động của các đối tượng có nguy cơ cao phạm tội trên lĩnh vực ma túy, rà soát, phân loại đưa đi cai nghiện đối với những đối tượng được xác định nghiện ma túy; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục số đối tượng đã sử dụng và số đối tượng mới sử dụng ma túy nhận thức được tác hại của ma túy để từ bỏ.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc phòng ngừa, đấu tranh với ma túy, làm cho mỗi người dân thấy được tác hại của ma túy để tích cực tham gia phòng, chống; tự giác phát hiện, tố giác tội phạm, tệ nạn ma túy và giúp đỡ người nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Hàng năm, phấn đấu xây dựng ít nhất 03 đến 04 thôn không có ma túy; phấn đấu đến năm 2030 có 100% người dân được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, 100% thôn không có ma túy, 100% người nghiện được cai nghiện dưới mọi hình thức, 80% người sau khi cai nghiện tập trung trở về tái hòa nhập cộng đồng.

- Nâng cao hiệu quả đấu tranh với các loại tội phạm về ma túy, kịp thời bắt giữ các đối tượng có hành vi phạm tội về ma túy trên địa bàn; phấn đấu tăng tỷ lệ điều tra mở rộng các vụ án đạt từ 70 - 80%; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, không để hình thành các điểm sản xuất trái phép chất ma túy hoặc trồng cây có chứa chất ma túy trên địa bàn xã.

- Đấu tranh, triệt xóa có hiệu quả các điểm phức tạp về tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, các đối tượng phạm tội về ma túy, đặc biệt là các đối tượng mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy; không để tình trạng tội phạm về ma túy hoạt động công khai, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

- Tập huấn kỹ năng, kiến thức phòng, chống ma túy cho cán bộ Công an xã, Tổ Bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, Đoàn Thanh niên trên địa bàn xã.

- Phần đầu đến năm 2030 đạt tiêu chí “Xã không có ma túy”.

2. Lộ trình thực hiện

2.1. Năm 2025

- Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống ma túy trên các địa bàn khu dân cư và trường học trên địa bàn.

- Tập trung lực lượng, phương tiện tiến hành tổng rà soát, phân loại người sử dụng trái phép chất ma túy và xác định tình trạng nghiện đối với từng trường hợp cụ thể trên địa bàn toàn xã. Lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc từ 01 đến 02 trường hợp.

- Đánh giá, xác định địa bàn trọng điểm về ma túy, nguyên nhân, điều kiện phát sinh tệ nạn ma túy, đề ra giải pháp cụ thể nhằm kiểm chế sự gia tăng người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy; đồng thời có biện pháp bảo vệ và giữ vững các địa bàn chưa có ma túy xâm nhập, nhất là các trường học, chú ý làm sạch và giữ vững được từng thôn, trường học, khu dân cư. Xây dựng 01 mô hình “Thôn không có ma túy”.

- Áp dụng các biện pháp để xác định các đối tượng có nguy cơ cao hoạt động phạm tội về ma túy; xây dựng các kế hoạch quản lý, xác minh, kịp thời có biện pháp ngăn chặn, đấu tranh.

- Đấu tranh, triệt xóa các điểm phức tạp về ma túy, chú trọng công tác bắt giữ, xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy trên địa bàn.

2.2. Năm 2026

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ma túy cho cán bộ, đảng viên và toàn thể quần chúng Nhân dân. Nhân rộng mô hình “Thôn không có ma túy” (tăng thêm từ 04 đến 05 thôn).

- Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại, tiếp tục lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, hồ sơ cai nghiện ma túy, đưa vào các cơ sở giáo dục đối với số đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Đồng thời có các giải pháp đối với các đối tượng sau cai trở về địa phương như công tác quản lý, tạo công ăn việc làm và các vấn đề khác, không để các đối tượng này tái nghiện hoặc tiếp tục vi phạm pháp luật về ma túy. Lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc từ 01 đến 02 trường hợp.

- Tập trung đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Đấu tranh, triệt xóa, vô hiệu hóa các điểm phức tạp về ma túy hình thành trên địa bàn.

- Tiến hành sơ kết 02 năm thực hiện Đề án trong toàn xã để rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp tiếp theo.

2.3. Năm 2027

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ma túy cho

cán bộ và nhân dân trên toàn xã. Phần đầu xây dựng thêm từ 04 đến 05 mô hình “Thôn không có ma túy”.

- Tiếp tục rà soát, phân loại, lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, hồ sơ cai nghiện ma túy và đưa vào các cơ sở giáo dục đối với số đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc từ 01 đến 02 trường hợp.

- Tiếp tục phát hiện, đấu tranh có hiệu quả các đối tượng, đường dây mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy; ngăn chặn hoạt động của các đối tượng thường xuyên qua lại tại những khu vực giáp ranh để mua ma túy sử dụng và vận chuyển về tiêu thụ trên địa bàn xã.

- Đấu tranh, triệt xóa, vô hiệu hóa các điểm phức tạp về ma túy hình thành trên địa bàn.

- Tiến hành sơ kết 03 năm thực hiện Đề án.

2.4. Năm 2028

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ma túy cho nhân dân trên toàn xã. Duy trì các “Thôn không có ma túy” đã xây dựng đảm bảo hiệu quả và tiếp tục xây dựng thêm từ 04 đến 05 mô hình “Thôn không có ma túy”.

- Tiếp tục rà soát, phân loại, lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, hồ sơ cai nghiện ma túy và đưa vào các cơ sở giáo dục đối với số đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc từ 01 đến 02 trường hợp.

- Tiếp tục phát hiện, đấu tranh có hiệu quả các đối tượng, đường dây mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy trên địa bàn; ngăn chặn hoạt động của các đối tượng, đường dây ma túy qua lại tại những khu vực giáp ranh để mua ma túy sử dụng và tiêu thụ trên địa bàn.

- Đấu tranh, triệt xóa, vô hiệu hóa các điểm phức tạp về ma túy hình thành trên địa bàn.

- Tiến hành sơ kết 04 năm thực hiện Đề án.

2.5. Năm 2029

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ma túy cho nhân dân trên toàn xã. Duy trì các “Thôn không có ma túy” đã xây dựng đảm bảo hiệu quả và tiếp tục xây dựng “Thôn không có ma túy”, phần đầu đạt 18/18 thôn.

- Tiếp tục rà soát, phân loại, lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, hồ sơ cai nghiện ma túy và đưa vào các cơ sở giáo dục đối với số đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy.

- Tiếp tục phát hiện, đấu tranh có hiệu quả các đối tượng, đường dây mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy trên địa bàn; ngăn chặn hoạt động của các đối tượng, đường dây ma túy qua lại tại những khu vực giáp ranh để mua ma túy sử dụng và tiêu thụ trên địa bàn.

dụng và tiêu thụ trên địa bàn.

- Đấu tranh, triệt xóa, vô hiệu hóa các điểm phức tạp về ma túy hình thành trên địa bàn; hướng đến mục tiêu xây dựng xã Nam Cửa Việt đến năm 2030 không có điểm phức tạp về ma túy.

- Tiến hành sơ kết 05 năm thực hiện Đề án.

2.6. Năm 2030

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ma túy cho người dân trên toàn xã. Duy trì các “Thôn không có ma túy” đã xây dựng đảm bảo hiệu quả, hoàn thành mục tiêu có 100% thôn trên địa bàn xã không ma túy.

- Kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các đối tượng, đường dây hoạt động phạm tội về ma túy trên địa bàn và phối hợp các đơn vị liên quan đấu tranh tội phạm ma túy hoạt động liên quan đến địa bàn xã.

- Đấu tranh, triệt xóa, vô hiệu hóa ngay các điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy hình thành trên địa bàn; đảm bảo xã Nam Cửa Việt trong năm 2030 đạt tiêu chí xã không có ma túy.

- Rà soát chặt chẽ địa bàn, kết hợp huy động sự chung tay của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể nhằm phòng ngừa sự xâm nhập trở lại của ma túy, duy trì bền vững “Xã không có ma túy”.

- Tiến hành tổ chức tổng kết việc thực hiện Đề án.

3. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

- Ngân sách Trung ương: Được bố trí từ Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Các nguồn huy động khác thông qua Quỹ phòng, chống tội phạm của xã.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ngân sách xã: giai đoạn 2026-2030 bố trí 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); bình quân 50.000.000 đồng/năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết, xây dựng phương án cụ thể hỗ trợ đảm bảo điều kiện, nguyên tắc.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Vũ Thành Công

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG TRỊ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Hùng Vương - Đồng Hới - Quảng Trị;

Điện thoại: 0233. 6296565;

Fax: 0232.3821729;

Email: congbao@quangtri.gov.vn;

Website: <https://congbao.quangtri.gov.vn>;